SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU XỬ LÝ VĂN BẢN ĐẾN

Số đến: 13318 - Ngày in phiếu: 28/09/2016

Cơ quan ban hành: UBND tỉnh Thừa Thiên Huế Số ký hiệu VB: 2185/QĐ-UBND
Ngày tháng VB: 20/09/2016
Trích yếu nội dung VB: Ban hành Quy định công khai các thông tin liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Trưởng phòng Tổng hợp, Quy hoạch	Lãnh đạo Sở	Trưởng phòng
K/c a Định, a Cường KTN, THQH Web, Tin	Phan Thiên Định: .... Lê Đình Khánh: .... Nguyễn Quang Cường: .... Hoàng Việt Trung:	
Quét lưu:	Quét lưu:	
Hạn xử lý văn bản: .../.../2016	Hạn xử lý văn bản: ..../......../2016	
Ngày :.28../9/2016	Ngày :....../9/2016	Ngày :.../9/2016

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TT.HUẾ
CÔNG VĂN ĐẾN
Ngày 28 tháng 9 năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2185 /QĐ-UBND	*Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 9 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định công khai các thông tin liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 195/TTr-STNMT ngày 16 tháng 6 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công khai các thông tin liên quan đến việc quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tư Pháp, Thông tin và Truyền thông, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế; Trưởng ban Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, Trưởng ban Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Trưởng ban Ban Quản lý Cụm công nghiệp; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- HĐND các huyện, thị xã và thành phố Huế;
- Đài TRT và Báo Thừa Thiên Huế (đăng tin);
- VP: CVP và các PCVP và các CV;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, ĐC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Ngọc Thọ

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về công khai các thông tin liên quan đến việc quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2185/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nội dung, hình thức, phương thức, thời điểm, địa điểm và trách nhiệm công khai các thông tin liên quan đến việc quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng là các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc công khai các thông tin về quy quy hoạch và quản lý, sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc xây dựng, cung cấp thông tin đất đai

1. Xây dựng, quản lý hệ thống thông tin đất đai và bảo đảm quyền tiếp cận của tổ chức, cá nhân đối với hệ thống thông tin đất đai.

2. Công bố kịp thời, công khai thông tin thuộc hệ thống thông tin đất đai cho tổ chức, cá nhân, trừ những thông tin thuộc bí mật theo quy định của pháp luật.

3. Thông báo quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai cho tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp.

4. Cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong quản lý, sử dụng đất đai có trách nhiệm tạo điều kiện, cung cấp thông tin về đất đai cho tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc công khai

1. Đảm bảo tính pháp lý;

2. Đảm bảo tính chính xác;

3. Đảm bảo tính kịp thời;

4. Đảm bảo tính tiếp cận: hình thức công khai đảm bảo các đối tượng cần tìm hiểu thông tin được tiếp cận dễ dàng, mọi lúc, mọi nơi.

Điều 5. Các nội dung công khai

1. Thông tin thủ tục hành chính về đất đai;

2. Thông tin về mốc giới quy hoạch và mốc giới hành lang an toàn công trình công cộng;

3. Thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

4. Thông tin về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

5. Thông tin về bảng giá đất, giá đất cụ thể;

6. Thông tin đăng ký đất đai, cấp và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất;

7. Thông tin về diện tích đất chưa cho thuê, cho thuê lại trong khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp;

8. Thông tin về vi phạm và xử lý vi phạm pháp luật đất đai;

9. Thông tin quỹ đất đưa ra đấu giá, quỹ đất kêu gọi đầu tư thực hiện dự án;

10. Thông tin thế chấp quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất;

11. Thông tin tiếp nhận, xử lý và giải quyết đơn kiến nghị, khiếu nại và tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai;

Chương II
CÔNG KHAI CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

Mục 1
CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

Điều 6. Nội dung thông tin công khai thủ tục hành chính về đất đai

1. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

2. Thời gian giải quyết đối với mỗi thủ tục hành chính.

3. Thành phần hồ sơ đối với từng thủ tục hành chính.

4. Quy trình và trách nhiệm giải quyết từng loại thủ tục hành chính.

5. Nghĩa vụ tài chính, phí và lệ phí phải nộp đối với từng thủ tục hành chính.

Điều 7. Tổ chức công khai thủ tục hành chính về đất đai

1. Đơn vị thực hiện công khai: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị và UBND cấp xã; cơ quan tiếp nhận và hoàn trả hồ sơ một cửa.

2. Thời điểm công khai: Sau khi các thủ tục hành chính về đất đai đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Thời gian công khai: việc công bố công khai các nội dung theo Điều 6 Quy định này trong suốt thời gian hiệu lực của thủ tục hành chính.

4. Hình thức, phương thức, địa điểm công khai:

a) Niêm yết thường xuyên tại trụ sở cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả;

b) Đăng trên trang thông tin điện tử của UBND cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện và các cơ quan chuyên môn có liên quan.

Mục 2
CÔNG KHAI MỐC GIỚI QUY HOẠCH, MỐC GIỚI HÀNH LANG AN TOÀN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG

Điều 8. Nội dung thông tin công khai mốc giới quy hoạch, mốc giới hành lang an toàn công trình công cộng

1. Hồ sơ liên quan về phạm vi hành lang bảo vệ công trình, tổ chức trực tiếp quản lý công trình có hành lang bảo vệ an toàn

2. Công bố công khai mốc giới hành lang bảo vệ an toàn công trình đã được cắm mốc giới trên thực địa.

Điều 9. Tổ chức công khai thông tin quy hoạch, mốc giới hành lang an toàn công trình công cộng

1. Đơn vị thực hiện công khai: Cơ quan chuyên môn liên quan, tổ chức trực tiếp quản lý công trình có hành lang bảo vệ an toàn có trách nhiệm công bố công khai và phối hợp với UBND cấp xã nơi có công trình để quản lý mốc giới theo quy định.

2. Thời điểm công khai: Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày được UBND tỉnh phê duyệt phương án cắm mốc giới xác định hành lang bảo vệ an toàn.

3. Hình thức, phương thức, địa điểm công khai và thời gian công khai:

a) Niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã theo thời gian quy định;

b) Công khai trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh, cấp huyện, cơ quan chuyên môn và đơn vị quản lý công trình trong suốt thời gian quy định mốc giới có hiệu lực.

Mục 3
CÔNG KHAI QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 10. Nội dung công khai lấy ý kiến đóng góp quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất

Nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để lấy ý kiến đóng góp của nhân dân trong quá trình lập; điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất gồm:

1. Báo cáo tóm tắt quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong đó có các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

2. Danh mục các công trình dự án thực hiện trong kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

3. Bản đồ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Điều 11. Tổ chức công khai lấy ý kiến đóng góp quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất

1. Đơn vị thực hiện công khai: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện.

2. Thời điểm công khai: theo quy định của cơ quan tổ chức lấy ý kiến.

3. Thời gian công khai: Thời gian lấy ý kiến là 30 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền quyết định tổ chức lấy ý kiến.

4. Hình thức, phương thức, địa điểm công khai: Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của nhân dân về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện thông qua hình thức tổ chức hội nghị, lấy ý kiến trực tiếp và công khai trên trang thông tin điện tử của UBND cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện; phối hợp với các cơ quan thông tin, truyền thông để thực hiện đăng tải.

Điều 12. Tiếp nhận và phản hồi thông tin tham gia góp ý của tổ chức, cá nhân

1. Sau khi lấy ý kiến của nhân dân, tính từ ngày kết thúc công khai theo quy định tại Điều 11 Quy định này, không quá 20 ngày cơ quan thực hiện công khai phải xây dựng báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của nhân dân về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được công khai.

2. Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của nhân dân về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được công khai trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh, UBND cấp huyện.

Điều 13. Nội dung thông tin công khai quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất

Nội dung công khai quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất gồm:

1. Báo cáo thuyết minh về quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh, cấp huyện.

2. Bản đồ quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất của cấp tỉnh, cấp huyện.

3. Nghị quyết xét duyệt của Chính phủ đối với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh;

4. Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh đối với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện.

Điều 14. Tổ chức công khai quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất

1. Đơn vị thực hiện công khai: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện.

2. Thời điểm công khai: thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

3. Thời gian công khai: công khai được thực hiện trong suốt kỳ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

4. Hình thức, phương thức, địa điểm công khai:

a) Công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại trụ sở cơ quan và trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, UBND cấp huyện.

b) Riêng UBND cấp huyện có trách nhiệm công bố công khai nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện có liên quan đến xã, phường, thị trấn tại trụ sở UBND cấp xã.

Mục 4
CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ THU HỒI ĐẤT

Điều 15. Nội dung thông tin công khai về thu hồi đất

1. Kế hoạch giải phóng mặt bằng của từng dự án.

2. Thông báo thu hồi đất gồm: lý do thu hồi đất; diện tích, vị trí khu đất thu hồi; đối tượng bị thu hồi đất; kế hoạch điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm; dự kiến về kế hoạch di chuyển và bố trí tái định cư.

Điều 16. Tổ chức công khai Kế hoạch giải phóng mặt bằng, Thông báo thu hồi đất

1. Đơn vị thực hiện công khai: UBND cấp có thẩm quyền thu hồi đất, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, UBND cấp xã.

2. Thời điểm công khai: không qua 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền phê duyệt Thông báo thu hồi đất.

3. Thời gian công khai: đến khi hoàn thành công tác thu hồi đất.

4. Hình thức, phương thức, địa điểm công khai:

a) Thông báo thu hồi đất được gửi đến từng người có đất thu hồi;

b) Tổ chức họp phổ biến đến người dân trong khu vực có đất thu hồi;

c) Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương;

d) Niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi;

e) Đăng tải nội dung thông báo thu hồi đất trên hệ thống thông tin điện tử của UBND cấp tỉnh, cấp huyện.

Điều 17. Nội dung thông tin công khai quyết định kiểm đếm bắt buộc, quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc; quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất

1. Thông tin về người sử dụng đất và địa chỉ thửa đất: quyết định kiểm đếm bắt buộc, quyết định thực hiện quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc; quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất;

2. Thời gian thực hiện cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc; thu hồi đất, cưỡng chế thu hồi đất.

Điều 18. Tổ chức công khai quyết định kiểm đếm bắt buộc, quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc; quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất

1. Đơn vị thực hiện công khai: UBND cấp có thẩm quyền thu hồi đất, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, UBND cấp xã nơi có đất thu hồi có trách nhiệm niêm yết công khai quyết định cưỡng chế thu hồi đất.

UBND cấp có thẩm quyền thu hồi đất có trách nhiệm phối hợp UBND cấp xã nơi có đất thu hồi công khai quyết định kiểm đếm bắt buộc, quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc; quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất.

2. Thời điểm công khai: không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định.

3. Thời gian công khai: đến khi hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng.

4. Hình thức, phương thức, địa điểm công khai:

a) Gửi quyết định kiểm đếm bắt buộc, quyết định quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc; quyết định thu hồi đất, quyết định cưỡng chế thu hồi đất đến người có đất thu hồi;

b) Niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

Điều 19. Tiếp nhận và phản hồi thông tin tham gia góp ý của tổ chức, cá nhân

Cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm tiếp nhận kiến nghị, khiếu nại của người bị ảnh hưởng khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết nội dung kiến nghị, khiếu nại theo quy định.

Mục 5
CÔNG KHAI THÔNG TIN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Điều 20. Nội dung thông tin công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định

1. Thông tin công khai gồm: địa điểm, quy mô quỹ đất, quỹ nhà tái định cư, thiết kế, diện tích từng lô đất, căn hộ, giá đất, giá nhà tái định cư; dự kiến bố trí tái định cư.

2. Giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất, giá bán nhà ở tái định cư.

3. Phương án bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư.

Điều 21. Tổ chức công khai lấy ý kiến đối với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Đơn vị thực hiện công khai: Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với UBND cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Thời điểm công khai: theo quy định của cơ quan tổ chức lấy ý kiến.

3. Thời gian công khai: ít nhất là 20 *(hai mươi)* ngày kể từ ngày đưa ra niêm yết.

Trường hợp khu đất thu hồi được tất cả các đối tượng ảnh hưởng thu hồi đất thống nhất với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng lập thì thời gian công khai có thể ít hơn 20 ngày.

4. Hình thức, phương thức, địa điểm công khai:

a) Tổ chức họp trực tiếp với người dân trong khu vực có đất thu hồi;

b) Niêm yết phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở UBND cấp xã, địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi.

Điều 22. Tiếp nhận và phản hồi thông tin tham gia góp ý của tổ chức, cá nhân

1. Việc tổ chức lấy ý kiến phải được lập thành biên bản có xác nhận của đại diện UBND cấp xã, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, đại diện những người có đất thu hồi.

2. Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm tổng hợp ý kiến đóng góp bằng văn bản, ghi rõ số lượng ý kiến đồng ý, số lượng ý kiến không đồng ý, số lượng ý kiến khác đối với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; phối hợp với UBND cấp xã nơi có đất thu hồi tổ chức đối thoại

đối với trường hợp còn có ý kiến không đồng ý về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; hoàn chỉnh phương án trình cơ quan có thẩm quyền.

Điều 23. Nội dung thông tin công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc đất tái định cư;

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ;

3. Thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư;

4. Thời gian bàn giao đất đã thu hồi cho tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Điều 24. Tổ chức công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Đơn vị thực hiện công khai: Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng có trách nhiệm phối hợp với UBND cấp xã phổ biến và niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

2. Thời điểm công khai: Không quá 03 *(ba)* làm việc, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ký quyết định thu hồi đất; quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

3. Thời gian công khai: đến khi hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng.

4. Hình thức, phương thức, địa điểm công khai:

a) Niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định thu hồi đất tại trụ sở UBND cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi;

b) Gửi quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định thu hồi đất đến từng người có đất thu hồi.

Mục 6
CÔNG KHAI BẢNG GIÁ ĐẤT, GIÁ ĐẤT CỤ THỂ

Điều 25. Nội dung công khai bảng giá đất

Gồm giá các loại đất sau:

1. Giá đất nông nghiệp.

2. Giá đất ở.

a) Giá đất ở nông thôn.

b) Giá đất ở đô thị.

3. Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp.

a) Giá đất thương mại, dịch vụ.

b) Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ.

c) Giá các loại đất phi nông nghiệp khác.

4. Giá đất tại các khu quy hoạch, khu đô thị.

5. Giá đất của một số trường hợp đặc thù.

Điều 26. Tổ chức thực hiện công khai bảng giá đất

1. Cơ quan thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện.

2. Thời điểm công khai: công bố công khai vào ngày 01 tháng 01 của năm đầu kỳ.

Trường hợp có điều chỉnh, thực hiện công bố sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

3. Hình thức công khai: Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của UBND cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp huyện.

Điều 27. Nội dung công khai giá đất cụ thể

1. Giá đất cụ thể khi nhà nước giao đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá.

2. Giá đất cụ thể khi nhà nước giao đất, cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá.

Điều 28. Tổ chức thực hiện công khai giá đất cụ thể

1. Cơ quan thực hiện: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện.

2. Thời điểm công khai: Không quá 03 (ba) làm việc, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ký quyết định phê duyệt giá đất cụ thể.

3. Hình thức công khai: Đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND cấp huyện.

Mục 7
CÔNG KHAI VIỆC THỰC HIỆN KẾT QUẢ ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI, CẤP VÀ HỦY GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Điều 29. Nội dung thông tin công khai kết quả đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận)

1. Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất.

2. Địa chỉ thửa đất.

3. Số thửa, số tờ bản đồ; mục đích sử dụng đất; diện tích đất sử dụng riêng, sử dụng chung.

4. Nguồn gốc sử dụng đất; thời hạn sử dụng đất.

5. Thời điểm sử dụng đất.

6. Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất.

7. Tình trạng tranh chấp.

8. Sự phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất; Quy hoạch xây dựng.

9. Danh sách Giấy chứng nhận với đất đã hủy.

Điều 30. Tổ chức công khai công khai việc đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp và hủy Giấy chứng nhận

1. Đơn vị thực hiện công khai: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, UBND cấp xã nơi có đất, tài sản gắn liền với đất.

2. Thời điểm công khai: ngay sau khi UBND cấp xã có văn bản công khai.

3. Thời gian công khai: Thực hiện công khai trong 15 ngày làm việc, kể từ ngày UBND cấp xã có thông báo niêm yết.

4. Hình thức, phương thức, địa điểm công khai:

a) Niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã và khu dân cư nơi có đất, tài sản gắn liền với đất.

b) Công khai danh sách Giấy chứng nhận đã hủy trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện và Văn phòng Đăng ký đất đai.

c) UBND cấp huyện, Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm công khai và cung cấp danh sách

Điều 31. Tổ chức công khai đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định

1. Đơn vị thực hiện công khai: Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai và UBND cấp xã nơi có đất.

2. Thời điểm công khai: Ngay sau khi Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Thời gian công khai: Thời hạn công khai trong 30 ngày làm việc kể từ ngày thông báo hoặc đăng tin lần đầu tiên trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

4. Hình thức, phương thức, địa điểm công khai:

a) Thông báo kết quả bằng văn bản cho bên nhận chuyển quyền;

b) Niêm yết tại trụ sở UBND cấp xã nơi có đất về việc làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho người nhận chuyển quyền;

c) Trường hợp không rõ địa chỉ của người chuyển quyền để thông báo thì phải đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương ba số liên tiếp.

Điều 32. Tiếp nhận và phản hồi thông tin tham gia góp ý của tổ chức, cá nhân

1. Phản hồi thông tin tiếp nhận: UBND cấp xã tiếp nhận, tổng hợp các ý kiến phản ánh về nội dung công khai và gửi hồ sơ đến Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để giải quyết theo quy định.

2. Báo cáo, giải trình thông tin tham gia gia góp ý và trả lời: Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai có trách nhiệm giải quyết kiến nghị công dân theo quy định.

Mục 8
CÔNG KHAI DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA CHO THUÊ, CHO THUÊ LẠI TRONG KHU CÔNG NGHIỆP, KHU KINH TẾ, CỤM CÔNG NGHIỆP

Điều 33. Nội dung thông tin công khai diện tích đất chưa cho thuê, cho thuê lại

1. Vị trí lô quy hoạch, chức năng sử dụng đất và diện tích đất chưa cho thuê hoặc cho thuê lại trong khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp, khu vực quy hoạch phát triển đô thị.

2. Danh dách các khu đất cần kêu gọi đầu tư.

Điều 34. Tổ chức công khai thông tin về diện tích đất chưa cho thuê, cho thuê lại trong khu công nghiệp, khu kinh tế, cụm công nghiệp

1. Đơn vị thực hiện công khai: Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh và UBND cấp huyện, Ban Quản lý Cụm công nghiệp.

2. Thời điểm công khai: không quá 3 ngày kể từ ngày thông tin cần công khai được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc ban hành có hiệu lực (bao gồm nội dung điều chỉnh).

3. Thời gian công khai: định kỳ hàng tháng (trong trường hợp thị trường biến động thường xuyên).

4. Hình thức, phương thức, địa điểm công khai: Báo cáo UBND tỉnh trực tiếp bằng văn bản và công bố, công khai trên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý cụm công nghiệp và UBND cấp huyện.

Mục 9
CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ VI PHẠM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI

Điều 35. Nội dung thông tin công khai về vi phạm và xử lý vi phạm pháp luật đất đai

1. Danh mục và thông tin các dự án đầu tư không đưa đất vào sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc chậm tiến độ sử dụng đất 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư.

2. Danh sách người sử dụng đất vi phạm pháp luật pháp luật về đất đai theo quy định.

Điều 36. Tổ chức công khai các trường hợp vi phạm và xử lý vi phạm pháp luật đất đai

1. Đơn vị thực hiện công khai: Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị và Ban Quản lý Cụm công nghiệp.

2. Thời điểm công khai: Sau khi có văn bản xác định hành vi vi phạm của cơ quan có thẩm quyền.

3. Thời gian công khai: *theo quy định pháp luật về đấy đai.*

4. Hình thức, phương thức, địa điểm công khai: công khai trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý khu kinh tế, công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị, Ban Quản lý Cụm công nghiệp và UBND cấp huyện.

Mục 10
CÔNG KHAI QUỸ ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT ĐƯA RA ĐẤU GIÁ; QUỸ ĐẤT KÊU GỌI ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 37. Nội dung thông tin công khai quỹ đất, tài sản gắn liền với đất đưa ra đấu giá; quỹ đất kêu gọi đầu tư thực hiện dự án

1. Phương án đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thông tin về quỹ đất kêu gọi đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất tại các khu vực quy hoạch phát triển đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp.

3. Thời gian tổ chức buổi đấu giá.

Điều 38. Tổ chức công khai quỹ đất, tài sản gắn liền với đất đưa ra đấu giá; quỹ đất kêu gọi đầu tư thực hiện dự án

1. Đơn vị thực hiện công khai: Trung tâm Phát triển quỹ đất, tổ chức được giao bán đấu giá; Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị, Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp tỉnh và các tổ chức có liên quan.

2. Thời điểm công khai: sau khi phương án được phê duyệt.

3. Thời gian công khai: đến khi hoàn thành cuộc đấu giá.

4. Hình thức, phương thức, địa điểm công khai:

a) Trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường, các tổ chức có liên quan.

b) Trên các thông tin đại chúng.

c) UBND cấp xã nơi có đất, tài sản gắn liền với đất.

Mục 11
CÔNG KHAI THÔNG TIN THẾ CHẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Điều 39. Nội dung công khai thông tin thế chấp quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thông tin thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

2. Chủ sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

3. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện đăng ký thế chấp.

4. Ngân hàng, tổ chức nhận thế chấp.

Điều 40. Tổ chức công khai thông tin thế chấp quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Đơn vị thực hiện công khai: Sở Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai.

2. Thời điểm công khai: ngay sau khi cơ quan có thẩm quyền đăng ký nội dung thế chấp.

3. Thời gian công khai: sau cơ quan có thẩm quyền đăng ký xóa thế chấp.

4. Hình thức, phương thức, địa điểm công khai: đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện.

Mục 12
CÔNG KHAI THÔNG TIN TIẾP NHẬN VÀ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ, KHIẾU NẠI, TRANH CHẤP VÀ TỐ CÁO TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI